

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2019/HS-PT

Ngày: 29-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 81/2019/HSPT ngày 04 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo Võ Thanh C do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2019/HSST ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Võ Thanh C**, sinh năm 1983 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp L, xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Văn Đ (chết) và bà Võ Ngọc H; có vợ là Trần Thị Phương T (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/4/2019 cho đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Lê Văn Sua – Luật sư Văn phòng luật sư Lê Sua thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang;

- *Người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:*

+ *Bị hại:* Trần Trọng T, sinh năm 1982. Nơi cư trú: ấp L, xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, có mặt.

+ *Người làm chứng:* Trần Trọng H, sinh năm 1980. Nơi cư trú: ấp L, xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Trần Trọng T thiếu nợ chị Võ Ngọc D số tiền 13.000.000 đồng nên vào khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 04/2/2019, bị cáo Võ Thanh C (là em ruột của chị D) nhờ bạn tên Dương Quốc T điều khiển xe mô tô chở C đến nhà Trần Trọng T ở ấp L, xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre để đòi nợ. Khi đến T không có nhà nên C đến nhà ông Trần Văn H (là cha ruột của T), cách nhà T khoảng 30 mét để tìm thì gặp bà Nguyễn Thị M (là mẹ ruột của T). Lúc này T đang ở trong nhà ông Hg, nghe tiếng của C nên đi ra gặp thì xảy ra cự cãi với C, sau đó C bỏ ra ngoài lên xe Tr chở về nhà. Vì cho rằng trong lúc cự cãi, C thấy T có cầm dao hăm dọa nên khi về nhà C lấy con dao có cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại giấu trong áo khoác rồi nhờ Tr chở quay trở lại tìm T. Khi đến cách nhà ông Hg khoảng 40 mét Tr dừng xe lại, C đi bộ đến trước nhà T kêu T ra nói chuyện. Lúc này T đang ở nhà ông Hg, nghe tiếng C kêu nên T đi ra thì xảy ra xô xát với C, trong lúc xô xát C dùng dao đâm theo chém trúng vào cổ tay trái của T gây thương tích. Cùng lúc Trần Trọng H (anh ruột của T) chạy ra can ngăn và dùng tay đẩy C lùi về sau đến vị trí Tr đang dựng xe đợi, sau đó C lên xe tẩu thoát.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) con dao dài 79cm cán bằng gỗ hình trụ dài 43cm, lưỡi bằng kim loại bị rỉ sét dài 36cm.

Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 79-319/TgT ngày 23/3/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận Trần Trọng T bị thương tích với lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 52%.

Ngày 16/5/2019 Võ Thanh C có đơn yêu cầu giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trần Trọng T.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 100/19/TgT ngày 04/7/2019 Phân viện Pháp y quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo vết thương và sẹo mổ cổ - bàn tay trái: 9%. Tổn thương hoàn toàn thần kinh trụ và giữa: 11% + 11%. Đã khâu nối các gân gấp và duỗi còn ảnh hưởng nhiều đến động tác khớp cổ tay: 8%. Cứng khớp cổ - bàn tay trái: 21%.

2. Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Trần Trọng T là 47%.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2019/HS-ST ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Võ Thanh C phạm “Tội cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm c

khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Thanh C 05 (năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 357; 468; 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Võ Thanh C bồi thường cho Trần Trọng T 95.367.960 (chín mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi) đồng.

- Ghi nhận chị Trần Thị Phương T đã thay bị cáo bồi thường cho Trần Trọng T số tiền 16.000.000 đồng và không yêu cầu bị trả lại.

- Ghi nhận bà Nguyễn Thị M không yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập trong thời gian chăm sóc T điều trị thương tích.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/10/2019 bị cáo Võ Thanh C kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù; ngày 14/10/2019 bị cáo C bổ sung kháng cáo, yêu cầu xét xử bị cáo về “Tội cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”, giảm nhẹ mức bồi thường và áp dụng tình tiết “đầu thú”, “người bị hại cũng có lỗi” cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo; bị cáo cho rằng hình phạt án sơ thẩm tuyên quá nặng, bản án sơ thẩm không đề cập việc bị hại sử dụng dao. Bị cáo cho rằng trong quá trình điều tra bị cáo tự nguyện khai báo.

Người bào chữa cho bị cáo yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng Dương Quốc Tr, thấy rằng trong quá trình điều tra Dương Quốc Tr không có mặt ở địa phương và anh Tr đã có lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nên phiên tòa tiếp tục xét xử.

Bị hại Trần Trọng T trình bày cả hai lần C đến anh không có sử dụng dao Thái Lan, lần hai C đến khi anh từ trong nhà cha anh đi ra thì bị C chém.

Nhân chứng Trần Trọng H khai cả hai lần khi C đến T không có sử dụng dao, lần hai khi anh ra cản, anh đẩy C liên tục đến khi C lên xe bỏ đi.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Võ Thanh C phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và xử phạt bị cáo 05 năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt, không có căn cứ thay đổi tội danh nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều

38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Thanh C 05 (năm) tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Về trách nhiệm dân sự Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng 46 tháng lương cơ sở là phù hợp nên buộc bị cáo bồi thường tổng cộng 95.367.960 đồng là có căn cứ nên được giữ nguyên. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữa nguyên bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng anh Tr có lời khai tại phiên tòa sơ thẩm thấy anh T có cầm dao nhưng không được Tòa án sơ thẩm đề cập, lời khai của anh H còn mâu thuẫn. C gây thương tích cho nạn nhân do tinh thần bị kích động mạnh, nếu lần hai C vào chém bị hại thì truy tố “Tội cố ý gây thương tích” là có cơ sở. Đề nghị xét xử bị cáo về “Tội cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ bị cáo đầu thú, người bị hại có lỗi, tại cấp phúc thẩm bị cáo có bồi thường thêm cho bị hại 5.000.000 đồng. Đề nghị giảm hình phạt tù cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo bồi thường 46 tháng lương là quá cao khi đó hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, đề nghị áp dụng mức 30 tháng lương.

Lời nói sau cùng bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù để sớm về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Vào khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 04/02/2019, tại nhà của anh Trần Trọng T ở ấp L, xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, khi Võ Thanh C đến đòi nợ lần thứ 2 thì xảy ra cự cãi với anh T, Võ Thanh C dùng con dao dài 79cm giấu trong người chém trúng vào cổ tay trái của anh T gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh T là 47%.

Bị cáo cho rằng quá trình điều tra bị cáo tự nguyện khai báo nên lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra có giá trị pháp lý để chứng minh cho ý thức và hành vi của bị cáo.

Bị cáo kháng cáo và người bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo phạm vào “Tội cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”. Thấy rằng, qua lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm loại hung khí bị cáo sử dụng chém T là con dao chết dài khoảng 79cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 36cm; Lúc gây thương tích cho T con dao còn sắc bén (BL 83-89); bị cáo có ý định mang theo dao phòng khi bị T tấn công thì chống trả vì lần đầu đến bị T dùng dao đòi đâm (tình tiết này bị hại T không thừa nhận) nên lần sau mang theo dao. Như vậy về ý thức bị cáo có ý định sử dụng hung khí khi có tấn công; còn trong tình huống bị cáo đưa ra do bị T tấn công nhưng T chưa gây tổn thương gì cho bị cáo và tình huống bị cáo cho rằng

T cầm 02 dao Thái Lan (cũng như lời khai của anh Tr tại phiên tòa sơ thẩm là thấy T cầm hai dao Thái Lan). Nếu so sánh hung khí mà bị cáo dùng gây thương tích cho T là con dao chết dài khoảng 79cm, lưỡi bằng kim loại dài 36cm, dao sắc bén thì dao bị cáo sử dụng có tính nguy hiểm hơn, và có lợi về kích thước hơn so với dao Thái Lan.

Đối với tình tiết bị cáo đưa ra “T dùng dao Thái Lan, đòi đâm tôi nhưng H ngăn cản, T vẫn tiếp tục quơ dao xông tới tôi, tôi đi lùi về sau, còn H vẫn đứng giữa ngăn cản T lại, tôi đi về sau cho đến khi đến chỗ Tr đang dựng xe thì tôi lấy con dao chết trong áo ra quơ để T không xông tới tôi, nhưng T vẫn cầm dao Thái Lan đưa lên xông tới tôi, nên tôi chém trúng vào tay của T nhưng không xác định là tay nào”. So với lời khai của anh H “Khi C gặp T thì hai bên xảy ra xô xát, thấy vậy tôi mới xông vào đứng ở giữa hai người và dùng tay đẩy C lùi về phía sau (phù hợp lời khai tại phiên tòa phúc thẩm). Khi tôi vừa thấy C là tôi thấy C trên tay có cầm hung khí và xông tới xô xát với T nên tôi mới nhanh chóng chạy đến can ngăn đẩy C lùi từ từ về phía sau, C vừa lùi về sau và dùng hung khí quơ qua quơ lại, khi lùi được 10m thì C lên xe tẩu thoát, do trời tối và sự việc xảy ra nhanh nên tôi không thấy C dùng hung khí chém T như thế nào, nhưng tôi nghĩ lúc T và C xông tới xô xát là lúc đó C dùng hung khí chém trúng T”. Như vậy, lời khai của anh H là có sở chứng minh bị cáo chém T trước khi anh H vào can ngăn và anh H đến ngăn cản và đẩy C lùi ra;

Xét về nguyên nhân bị cáo đến đòi nợ nhưng anh T không nợ bị cáo mà T nợ tiền chị Võ Ngọc D, chị D cũng không yêu cầu bị cáo đến gặp T đòi tiền nợ. Cả hai lần bị cáo đều chủ động tìm đến nhà T, lần thứ hai đến có chuẩn bị hung khí và ý thức nếu bị tấn công thì chống trả. Sự việc xảy ra đúng như dự định của bị cáo, việc bị cáo dùng hung khí chém bị hại là nằm trong dự định của bị cáo, thể hiện ý thức muốn chống trả. Mặt khác bị cáo không bị thương tích, không bị dồn nén vào nơi không thoát được (vì khi đó có anh H can ngăn) nên không thuộc trường hợp bị kích động về mặt tinh thần theo Điều 135 Bộ luật Hình sự mà bị cáo và người bào chữa cho bị cáo đưa ra.

Với ý thức, hành vi và hậu quả mà Võ Thanh C đã gây ra đối với Trần Trọng T, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố bị cáo Võ Thanh C phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung tăng nặng “*Dùng hung khí nguy hiểm*” là có cơ sở, đúng quy định pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bị cáo về tội danh không có cơ sở chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu giảm hình phạt tù thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đã xem các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tác động gia bồi thường một phần thiệt hại; bị cáo có con nhỏ chưa thành niên; bị cáo không có tình

tiết tăng nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo yêu cầu xem xét tình tiết bị cáo đầu thú, nhưng hồ sơ không thể hiện việc bị cáo đầu thú nên không có cơ sở xem xét. Đối với tình tiết bị cáo đưa ra người bị hại cũng có lỗi, theo Cáo trạng truy tố bị cáo theo (điểm a khoản 1) khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự là “Dùng hung khí nguy hiểm” do nhận định C đến nhà T đòi nợ, T say nên xảy cữ cãi, xô xát, như vậy đã xác định bị hại có lỗi nên không truy tố bị cáo về tình tiết “Có tính chất côn đồ”. Nên tình tiết này Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng cho bị cáo là có cơ sở. Tại cấp phúc thẩm bị cáo có bồi thường thêm cho bị hại 5.000.000 đồng thuộc tình tiết về bồi thường thiệt hại theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 05 năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt xét thấy tương xứng nên được giữ nguyên và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm hình phạt tù, theo như đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu về bồi thường tổn thất tinh thần (các phần khác bị cáo đồng ý mức bồi thường). Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận 46 tháng lương, tương ứng 69.271.000đ là không vượt quá 50 tháng lương cơ sở theo quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự. Mặt khác bị hại bị thương tật thuộc dạng cố tật gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh hoạt, lao động bình thường của bị hại nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức 46 tháng lương là thỏa đáng, được giữ nguyên và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về phần trách nhiệm dân sự.

[4] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Võ Thanh C phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Thanh C** 05 (năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày tính từ ngày 12/4/2019.

[2] Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 357; 468; 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc Võ Thanh C bồi thường cho Trần Trọng T số tiền 95.367.960 (Chín mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi) đồng.

Ghi nhận anh Trần Trọng T đã nhận 5.000.000 (năm triệu) đồng sau khi xét xử sơ

thẩm.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bị cáo chưa thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Võ Thanh C phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Châu Thành (3b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện Châu Thành (1b);
- Nhà tạm giữ CA h. Châu Thành + bị cáo (2b);
- (Yêu cầu NTG tổng đạt cho bị cáo 1b)
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- UBND xã G, huyện Châu Thành (1b);
- Bị hại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tỉnh